

Số: *22* /NQ-HĐND

Thái Nguyên, ngày 12 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên
giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIII, KỲ HỌP THỨ 2**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ quy định về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP;

Căn cứ Quyết định 879/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển công nghiệp Việt Nam đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035;

Căn cứ Quyết định số 880/QĐ-TTg ngày 09/6/2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển ngành công nghiệp Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1758/QĐ-TTg ngày 20/11/2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch xây dựng vùng Thủ đô Hà Nội đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-TTg ngày 27/2/2015 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thái Nguyên đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 05/2013/TT-BKHĐT ngày 31/10/2013 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn tổ chức lập, thẩm định, phê duyệt, điều chỉnh và công bố quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch ngành, lĩnh vực và sản phẩm chủ yếu;

Căn cứ Quyết định số 55/2008/QĐ-BCT ngày 30/12/2008 của Bộ Công thương ban hành Quy định nội dung, trình tự, thủ tục lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch phát triển lĩnh vực công nghiệp;

Xét Tờ trình số 144/TTr-UBND ngày 18/7/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về đề nghị thông qua Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030 (Có tóm tắt Quy hoạch kèm theo).

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết, định kỳ hàng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

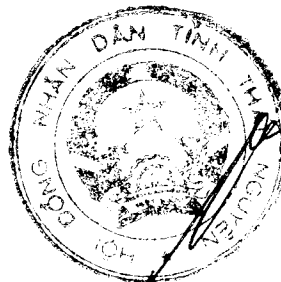
Điều 3. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên khóa XIII, Kỳ họp thứ 2 thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2016./.

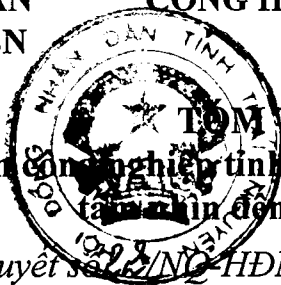
Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Công thương;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh khoá XIII;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước khu vực X;
- Các Sở, ban, ngành, các đoàn thể của tỉnh;
- Văn phòng Tỉnh ủy, Văn phòng UBND tỉnh;
- Văn phòng HĐND tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Các Phòng nghiệp vụ thuộc VP;
- Các CV Phòng Công tác HĐND;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH



Bùi Xuân Hòa



**Quy hoạch phát triển công nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2016 - 2025,
tầm nhìn đến năm 2030**

(Kèm theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐND ngày 12 tháng 8 năm 2016 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên)

1. Quan điểm

- Phát triển công nghiệp Thái Nguyên đa ngành, đa lĩnh vực. Trong đó, ưu tiên tập trung phát triển mạnh công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao có khả năng tham gia vào chuỗi sản xuất toàn cầu và một số chuyên ngành có giá trị gia tăng lớn mà tỉnh có lợi thế như: Công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử và vi mạch bán dẫn; công nghiệp vật liệu mới; công nghiệp chế biến gắn với vùng nguyên liệu tập trung và xây dựng nông thôn mới; công nghiệp hạ tầng (sản xuất và phân phối điện, xử lý môi trường và chất thải).

- Phát triển công nghiệp theo chiều sâu, chú trọng chất lượng tăng trưởng để đảm bảo tính bền vững, thân thiện với môi trường và năng suất lao động cao; khai thác và sử dụng có hiệu quả các lợi thế của tỉnh về tài nguyên thiên nhiên, nguồn nhân lực trình độ cao, vị trí trung tâm vùng trung du và miền núi phía Bắc.

- Phát huy nội lực và tranh thủ tối đa các nguồn lực từ bên ngoài với nhiều thành phần kinh tế cùng tham gia.

2. Mục tiêu

- Tập trung phát triển theo chiều sâu, chuyển dịch mạnh mẽ cơ cấu nội bộ ngành công nghiệp. Trong các khu công nghiệp: Ưu tiên thu hút đầu tư những dự án công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao. Trong các khu công nghiệp, cụm công nghiệp và làng nghề: Ưu tiên thu hút đầu tư những dự án công nghiệp gắn với vùng nguyên liệu tập trung và xây dựng nông thôn mới, sử dụng nhiều lao động. Tăng cường đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ, nâng cao trình độ công nghệ chế biến và tỷ lệ giá trị gia tăng của ngành.

- Chuyển dịch cơ cấu công nghiệp theo hướng tăng nhanh các nhóm ngành, sản phẩm công nghiệp ứng dụng công nghệ cao có giá trị gia tăng lớn; sản xuất hàng xuất khẩu; gia tăng tỷ trọng công nghiệp ngoài quốc doanh, đặc biệt là đầu tư nước ngoài trong các ngành công nghiệp chủ lực. Thu hút các ngành công nghiệp sử dụng nhiều lao động về khu vực nông thôn; huy động có hiệu quả các nguồn lực nội sinh, thu hút tối đa các nguồn lực bên ngoài.

- Phát triển các khu, cụm công nghiệp tập trung, gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hệ thống đô thị; phân bố hợp lý các loại hình sản xuất, quy mô theo địa bàn và trong các khu, cụm công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề; từng bước hiện đại hóa ngành công nghiệp Thái Nguyên.

- Mục tiêu cụ thể của ngành công nghiệp Thái Nguyên:

+ GRDP công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 đạt 35.500 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 71.000 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên

137.000 tỷ đồng; tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 16%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 15%, giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 14%.

+ Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010) đến năm 2020 đạt 740.000 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 1.250.000 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 1.995.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 11%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 10%.

3. Định hướng phát triển các nhóm ngành công nghiệp chủ yếu

3.1. Công nghiệp chế tạo máy, công nghệ thông tin và điện tử, gia công kim loại và cơ khí lắp ráp

- Ngành công nghiệp chế tạo máy, sản xuất lắp ráp thiết bị, điện điện tử; sản xuất phụ kiện, phụ tùng, công cụ, dụng cụ, gia công kim loại, cơ khí lắp ráp khác, cùng với nhóm ngành công nghiệp công nghệ thông tin, điện tử và vi mạch bán dẫn được định hướng ưu tiên phát triển số một của tỉnh, là ngành chủ chốt quyết định việc chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành, sẽ tiếp tục tăng trưởng, chiếm tỷ trọng lớn trong giai đoạn từ năm 2016 - 2030.

- Mục tiêu cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đến năm 2020 đạt 687.590 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 1.162.598 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 1.832.890 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15,5%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 11%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 10%.

3.2. Công nghiệp nhẹ, chế biến nông, lâm, thủy sản, thực phẩm, sản xuất hàng tiêu dùng

- Xác định đây là ngành công nghiệp quan trọng giúp Thái Nguyên từng bước hoàn thành sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp nông thôn; phát huy được nhiều lợi thế so sánh của tỉnh; góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu lao động tại chỗ; tăng thu nhập và từng bước thu hẹp khoảng cách về thu nhập giữa thành thị và nông thôn.

- Xây dựng các cơ sở chế biến tập trung phù hợp với quy mô vùng nguyên liệu, phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới. Không ngừng đa dạng hóa sản phẩm và công tác phát triển thị trường, nâng cao chất lượng sức cạnh tranh và hạ giá thành sản phẩm. Tăng nhanh các sản phẩm chủ lực đặc biệt là các sản phẩm trà.

- Mục tiêu cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đến năm 2020 đạt 10.100 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 25.302 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 62.800 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 15%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt 20%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 20%.

3.3. Công nghiệp hoá chất

- Tập trung đầu tư chiều sâu, đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, mở rộng thị trường trong và ngoài nước, khai thác tối đa công suất các cơ sở hiện có, triển khai đầu tư nghiên cứu và phát triển, chuyển giao công nghệ, thu hút các dự án đầu tư vào lĩnh vực hóa dược, sản xuất phân bón, chế phẩm sinh học phục vụ nông, lâm nghiệp; bao bì nhựa, sơn cao cấp, chất độn công

nghiệp, hoá chất tiêu dùng và các phụ liệu hoá chất khác sử dụng trong công nghiệp. Đặc biệt là sản xuất các loại thuốc chữa bệnh cả đông và tây dược.

- Mục tiêu cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đến năm 2020 đạt 3.370 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 8.450 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 21.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân đến năm 2030 đạt 20%.

3.4. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để các nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng lớn hiện có trên địa bàn phát huy hết công suất như: Xi măng Thái Nguyên (1,5 triệu tấn/năm), La Hiên (0,75 triệu tấn/năm), Quan Triều (0,77 triệu tấn/năm); các dây truyền gạch ceramic. Tiếp tục đẩy mạnh thu hút đầu tư các dự án lớn sản xuất các sản phẩm mới với công nghệ tiên tiến như: Đá ốp lát cao cấp, cấu kiện bê tông đúc sẵn, vật liệu chịu lửa, xi măng cao dolomit, các dây truyền sản xuất gạch tuynel, gạch không nung, gạch ceramic, gạch terrazzo, gạch bê tông block, tấm lợp sinh thái - chịu nhiệt và cách nhiệt, beton xốp acotec.

- Mục tiêu cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đến năm 2020 đạt 6.400 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 10.300 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 18.200 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 10%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 12%.

3.5. Công nghiệp sản xuất kim loại

- Tạo điều kiện thuận lợi nhất để sớm đưa các dự án lớn về luyện kim đen và luyện kim màu đang đầu tư xây dựng trên địa bàn đi vào sản xuất như: Sản xuất kim loại Đồng, Vonfram; sản xuất kẽm kim loại. Khuyến khích mọi thành phần kinh tế ứng dụng công nghệ, thiết bị tiên tiến đầu tư vào ngành luyện kim để sản xuất các sản phẩm luyện kim cao cấp mang thương hiệu Việt Nam.

- Mục tiêu cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đến năm 2020 đạt 28.000 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 35.800 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 46.000 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 9,9%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 5%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 5%.

3.6. Công nghiệp khai thác và chế biến khoáng sản

- Tập trung khai thác và chế biến các khoáng sản có giá trị kinh tế cao, trữ lượng lớn như quặng: Đa kim Núi Pháo, Sắt, Chì kẽm, Caolanh. Đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại trong chế biến sâu, đảm bảo đủ nguyên vật liệu cho các cơ sở luyện kim và sản xuất vật liệu xây dựng của tỉnh; tận thu tài nguyên và bảo vệ môi trường; không xuất khẩu tinh quặng và khoáng sản thô.

- Mục tiêu cụ thể: Giá trị sản xuất công nghiệp (giá so sánh 2010) đến năm 2020 đạt 1.280 tỷ đồng, đến năm 2025 đạt trên 1.410 tỷ đồng, đến năm 2030 đạt trên 1.560 tỷ đồng, tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 2016 - 2020 đạt 5,1%; giai đoạn 2021 - 2025 đạt trên 2%; giai đoạn 2026 - 2030 đạt trên 2%.

4. Một số giải pháp chủ yếu

4.1. Về thu hút, khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư phát triển sản xuất trên địa bàn

- Thường xuyên rà soát, điều chỉnh, xây dựng mới các chính sách ưu đãi đầu tư cho phù hợp với từng thời kỳ, điều kiện cụ thể của tỉnh và có sức hấp dẫn cao; giải quyết kịp thời các vướng mắc phát sinh, đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án, công trình trọng điểm; thúc đẩy tiến độ xây dựng các dự án đầu tư để sớm đưa vào sản xuất.

- Đẩy mạnh xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ cho phát triển công nghiệp, trong đó có đầu tư đồng bộ hệ thống hạ tầng nhà ở công nhân trong các khu công nghiệp lớn của tỉnh. Quan tâm hỗ trợ các doanh nghiệp vừa và nhỏ về vốn, công nghệ, thông tin, môi trường đầu tư; ưu tiên kinh phí khuyến công cho công tác hỗ trợ đầu tư và phát triển các sản phẩm công nghiệp công nghệ mới, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề ở khu vực nông thôn, nhất là tạo nghề mới, góp phần chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế, cơ cấu lao động và thu nhập ở nông thôn.

- Tạo điều kiện thuận lợi để dịch vụ tư vấn đầu tư chất lượng cao phát triển, có bộ phận chuyên trách hướng dẫn đầu tư, giới thiệu rộng rãi các chính sách ưu đãi đầu tư của tỉnh, xây dựng ngân hàng dự án để kêu gọi đầu tư trong và ngoài nước.

- Tiếp tục cải cách hành chính, duy trì có hiệu quả các công việc ở bộ phận một cửa, một cửa liên thông của tỉnh; tạo môi trường đầu tư thông thoáng, bình đẳng, thống nhất vì sự phát triển công nghiệp chung của tỉnh.

- Có cơ chế ưu đãi (về vay vốn, hỗ trợ đầu tư, ưu đãi thuê đất) đối với đầu tư phát triển: Công nghiệp hỗ trợ ứng dụng công nghệ cao; công nghiệp chế biến nông, lâm sản, thực phẩm gắn với vùng nguyên liệu tập trung và xây dựng nông thôn mới; vùng nguyên liệu phát triển công nghiệp tập trung.

4.2. Về huy động vốn

- Vận dụng linh hoạt các cơ chế, chính sách huy động vốn của mọi thành phần vào đầu tư, đặc biệt là thu hút đầu tư hạ tầng kỹ thuật các khu, cụm công nghiệp và làng nghề phục vụ cho phát triển công nghiệp.

- Tập trung các nguồn vốn vào các ngành, các lĩnh vực cần ưu tiên; chuyển hình thức cho vay bằng thế chấp tài sản sang cho vay theo dự án.

- Khuyến khích phát triển loại hình công ty cổ phần để tạo cơ sở cho việc tham gia vào thị trường chứng khoán; khơi dậy tiềm năng tài chính trong nhân dân phục vụ cho phát triển sản xuất, mọi thành phần kinh tế đều tham gia sản xuất công nghiệp và đầu tư hạ tầng cơ sở.

4.3. Về khoa học công nghệ

- Trong điều kiện khoa học công nghệ phát triển nhanh, nhưng nguồn lực của tỉnh còn nhiều hạn chế, nên cần có phương án đổi mới công nghệ một cách thích hợp; lựa chọn đúng công nghệ cần đổi mới, sử dụng công nghệ nhiều tầng, kết hợp công nghệ truyền thống với công nghệ hiện đại, thông qua đổi mới công

nghệ giúp nâng cao chất lượng, khả năng cạnh tranh của sản phẩm, từng bước thay thế hàng nhập khẩu.

- Đảm bảo sự kết nối và tận dụng hiệu quả giữa các cơ sở đào tạo, nghiên cứu trên địa bàn với quá trình hoạch định - tổ chức sản xuất - phát triển công nghiệp.

- Thường xuyên cập nhật kiến thức mới cho đội ngũ cán bộ kỹ thuật và công nhân; rà soát lại lực lượng cán bộ khoa học kỹ thuật đã qua đào tạo cơ bản để có phương án điều chỉnh hợp lý; khuyến khích tài năng trẻ học tập sáng tạo, nghiên cứu ứng dụng những thành quả công nghệ mới.

- Trẻ hóa đội ngũ cán bộ quản lý ngành, tạo điều kiện tham quan, học tập, giao lưu với nước ngoài để kịp thời nắm bắt các thông tin về thị trường, công nghệ.

- Bồi dưỡng, nâng cao trình độ tiếp cận khoa học - kỹ thuật mới cho cán bộ quản lý doanh nghiệp để đáp ứng yêu cầu thời kỳ hội nhập và cạnh tranh.

- Xây dựng chính sách về đổi mới công nghệ, hình thành doanh nghiệp khoa học công nghệ. Hỗ trợ nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ, mua phát minh, sáng chế công nghệ.

4.4. Về đào tạo nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp

- Đào tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp chung của tỉnh và cả nước, với điều chỉnh cơ cấu lao động theo chuyển dịch cơ cấu nội bộ ngành, đảm bảo đủ, chất lượng nguồn nhân lực và có kế hoạch sử dụng hợp lý.

- Mở rộng hợp tác đào tạo công nhân kỹ thuật lành nghề với các cơ sở có trang thiết bị hiện đại trong và ngoài tỉnh; khuyến khích các đơn vị tự đầu tư trang bị phương tiện để nâng cao chất lượng đào tạo, liên kết hỗ trợ giữa các đơn vị trong đào tạo, cung ứng, sử dụng nhân lực một cách có hiệu quả nhất.

- Liên kết, kêu gọi đầu tư các cơ sở đào tạo đạt tiêu chuẩn quốc tế; đầu tư xây mới, mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học, cao đẳng dạy nghề trên địa bàn tỉnh, tăng cường liên kết, thu hút đội ngũ giảng viên có chuyên môn cao về giảng dạy. Kết nối hiệu quả việc hợp tác đào tạo, cung ứng nguồn lao động chất lượng cao với các cơ sở sản xuất ứng dụng công nghệ cao.

- Khuyến khích, hỗ trợ đào tạo theo địa chỉ, đào tạo nghề cho lao động nông thôn, cho các chuyên ngành đang có nhu cầu phát triển. Có chính sách đãi ngộ, thu hút nhân tài, chuyên gia giỏi trong từng chuyên ngành công nghiệp; xã hội hóa công tác giáo dục, đào tạo nghề.

4.5. Về tổ chức quản lý

- Có sự phối hợp đồng bộ, kịp thời giữa các cơ quan quản lý nhà nước với các cơ sở sản xuất công nghiệp vì sự phát triển chung của tỉnh.

- Công tác quản lý nhà nước về công nghiệp trên địa bàn tỉnh giao cho Sở Công thương, là đơn vị để tổng hợp, đánh giá tình hình phát triển công nghiệp, phát hiện kịp thời các vấn đề cần tháo gỡ, cung cấp thông tin và đề xuất các định hướng chiến lược phát triển công nghiệp của tỉnh theo từng giai đoạn.

- Kiện toàn bộ máy quản lý, đào tạo và bồi dưỡng nâng cao trình độ cán bộ quản lý công nghiệp từ tỉnh đến các huyện, thành phố, thị xã và cơ sở.

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN